

THÔNG BÁO
Lịch giảng - lịch thi hệ đại học chính quy Khóa 40
học kỳ 1 (2024 - 2025)

- HK1 bắt đầu từ tuần 1: Thứ Tư ngày 04/9/2024

- Ngày nghỉ trong học kỳ:

- + Thứ 7 tuần 5, thứ 7 tuần 17: Sinh hoạt lớp
- + Tuần 11: thi KTHP đợt 1 Khóa 37,38,39
- + Tuần 20: thi KTHP Khóa 40
- + Tuần 2 HK2: thi KTHP Khóa 37,38,39

- + Thứ 7, Chủ nhật tuần 4,6: Thi TA, TH đầu khóa K40
- + Thứ 4 tuần 12: Nghỉ - Ngày Nhà giáo Việt Nam
- + Thứ 4 tuần 18: Nghỉ - Tết Dương lịch
- + Sáng Chủ nhật tuần 14: Nghỉ - Hội nghị GV cổ vấn

Giờ học bắt đầu và kết thúc:

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)

Sáng

Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15
Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)
Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05

Chiều

Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15
Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)
Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05

Ca thi - Giờ thi:

Ca 1:	7g00	Ca S1:	7g00	Ca C1:	13g00
Ca 2:	9g30	Ca S2:	8g30	Ca C2:	14g30
Ca 3:	13g00	Ca S3:	10g00	Ca C3:	16g00
Ca 4:	15g30			Ca 5:	18g00

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
1	SOC301_241_1_D01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	C	6	4-8,13	B1.104	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
2	SOC301_241_1_D02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	C	3	4-8,13	B1.202	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S2	TĐ	40	LKT		LKT_N2
3	SOC301_241_1_D03	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	C	7	7-8,13-16	B1.105	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S3	TĐ	40	LKT		LKT_N1
4	ELI307_241_1_D01	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	C	2	4-8,13	B1.106	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N1
5	ELI307_241_1_D02	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	C	3	4-8,13	B1.203	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N3
6	ELI307_241_1_D03	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	C	4	4-8,13	A303	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N4
7	ELI307_241_1_D04	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	S	2	4-8,13	B1.104	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N6
8	ELI307_241_1_D05	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	S	3	4-8,13	A308	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N2
9	ELI307_241_1_D06	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	S	5	4-8,13	A304	TĐ	NN	16/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N5
10	BAF702_241_1_D03	Giới thiệu ngành Công nghệ tài chính	2	30	C	6	4-8,13	A307	TĐ	NH	15/01/2025	1	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
11	GYM301_241_1_DK1_D01	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
12	GYM301_241_1_DK1_D02	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	2	TĐ	40	CNTC, KDQT		CNTC_N1 KDQT_N1
13	GYM301_241_1_DK1_D03	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
14	GYM301_241_1_DK1_D04	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N3

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
15	GYM301_241_1_DK1_D05	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
16	GYM301_241_1_DK1_D06	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	2	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	13/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
17	GYM301_241_1_DK1_D07	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	1	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
18	GYM301_241_1_DK1_D08	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
19	GYM301_241_1_DK1_D09	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N2
20	GYM301_241_1_DK1_D10	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
21	GYM301_241_1_DK1_D11	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	3	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
22	GYM301_241_1_DK1_D12	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	4	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
23	GYM301_241_1_DK1_D13	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	3	TĐ	40	KT		KT_N2
24	GYM301_241_1_DK1_D14	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	3	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	14/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
25	GYM301_241_1_DK1_D15	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5 4-5	4 4 7	4-8,13 14-18 7	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	15/01/2025	1	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
26	GYM301_241_1_DK1_D16	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3 1-3	4 4 7	4-8,13 14-18 7	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	15/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N1,2
27	GYM301_241_1_DK1_D17	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10 9-10	4 4 7	4-8,13 14-18 7	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	15/01/2025	3	TĐ	40	KT		KT_N3
28	GYM301_241_1_DK1_D18	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8 6-8	4 4 7	4-8,13 14-18 7	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	15/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N5,6
29	GYM301_241_1_DK1_D19	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N1
30	GYM301_241_1_DK1_D20	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
31	GYM301_241_1_DK1_D21	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	1	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
32	GYM301_241_1_DK1_D22	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
33	GYM301_241_1_DK1_D23	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N1
34	GYM301_241_1_DK1_D24	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
35	GYM301_241_1_DK1_D25	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
36	GYM301_241_1_DK1_D26	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	5	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	16/01/2025	4	TĐ	40	KHDL, LOGISTICS		KHDL_N1 LOGISTICS_N1
37	GYM301_241_1_DK1_D27	Học phần GDTC 1	1	30	1-3 4-5	6	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	17/01/2025	1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
38	GYM301_241_1_DK1_D28	Học phần GDTC 1	1	30	4-5 1-3	6	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	17/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
39	GYM301_241_1_DK1_D29	Học phần GDTC 1	1	30	6-8 9-10	6	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	17/01/2025	3	TĐ	40	LKT		LKT_N4
40	GYM301_241_1_DK1_D30	Học phần GDTC 1	1	30	9-10 6-8	6	4-8,13 14-19	Sân trước KTX A-B	TĐ	GDTC&QP	17/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N3,4

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
41	MES302_241_1_D01	Kinh tế học vi mô	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.105	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N1
42	MES302_241_1_D02	Kinh tế học vi mô	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N2
43	MES302_241_1_D03	Kinh tế học vi mô	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.305	TĐ	KTQT	16/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
44	MES302_241_1_D04	Kinh tế học vi mô	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.304	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N3
45	MES302_241_1_D05	Kinh tế học vi mô	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.102	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1
46	MES302_241_1_D06	Kinh tế học vi mô	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.106	TĐ	KTQT	16/01/2025	3	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
47	MES302_241_1_D07	Kinh tế học vi mô	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
48	MES302_241_1_D08	Kinh tế học vi mô	3	45	S	5	4-8,13-16	A308	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
49	MES302_241_1_D09	Kinh tế học vi mô	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N4
50	MES302_241_1_D10	Kinh tế học vi mô	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.402	TĐ	KTQT	16/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
51	MES302_241_1_D11	Kinh tế học vi mô	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.106	TĐ	KTQT	16/01/2025	3	TĐ	40	KT		KT_N1
52	MES302_241_1_D12	Kinh tế học vi mô	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N3
53	MES302_241_1_D13	Kinh tế học vi mô	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.103	TĐ	KTQT	16/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
54	MES302_241_1_D14	Kinh tế học vi mô	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.105	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N2
55	MES302_241_1_D15	Kinh tế học vi mô	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.306	TĐ	KTQT	16/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
56	MES302_241_1_D16	Kinh tế học vi mô	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.303	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
57	MES302_241_1_D17	Kinh tế học vi mô	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.401	TĐ	KTQT	16/01/2025	1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
58	MES302_241_1_D18	Kinh tế học vi mô	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.401	TĐ	KTQT	16/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
59	MES303_241_1_D01	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.401	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N1
60	MES303_241_1_D02	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.206	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N4
61	MES303_241_1_D03	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.404	TĐ	KTQT	17/01/2025	4	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
62	MES303_241_1_D04	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.101	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
63	MES303_241_1_D05	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.103	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N1
64	MES303_241_1_D06	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
65	MES303_241_1_D07	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.401	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N3
66	MES303_241_1_D08	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.403	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
67	MES303_241_1_D09	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.404	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
68	MES303_241_1_D10	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.203	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N2

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
69	MES303_241_1_D11	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.203	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N3
70	MES303_241_1_D12	Kinh tế học vĩ mô	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.304	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
71	MES303_241_1_D13	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.203	TĐ	KTQT	17/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N2
72	MES303_241_1_D14	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.203	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
73	MES303_241_1_D15	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.402	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
74	MES303_241_1_D16	Kinh tế học vĩ mô	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.304	TĐ	KTQT	17/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
75	ENS347_241_1_D06	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.302	TĐ	NN	17/01/2025	1	TĐ	40	NNA		NNA_N4
76	ENS347_241_1_D07	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.301	TĐ	NN	17/01/2025	1	TĐ	40	NNA		NNA_N1
77	ENS347_241_1_D08	Kỹ năng thuyết trình	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.305	TĐ	NN	17/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N2
78	ENS347_241_1_D09	Kỹ năng thuyết trình	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.301	TĐ	NN	17/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N5
79	ENS347_241_1_D10	Kỹ năng thuyết trình	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.206	TĐ	NN	17/01/2025	3	TĐ	40	NNA		NNA_N6
80	ENS347_241_1_D11	Kỹ năng thuyết trình	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.206	TĐ	NN	17/01/2025	3	TĐ	40	NNA		NNA_N3
81	MLM305_241_1_D01	Logic học	2	30	S	4	4-8,13	A305	TĐ	KHXXH	15/01/2025	1	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
82	MLM305_241_1_D02	Logic học	2	30	C	4	4-8,13	A301	TĐ	KHXXH	15/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N3
83	MLM305_241_1_D03	Logic học	2	30	S	6	4-8,13	A304	TĐ	KHXXH	15/01/2025	1	TĐ	40	LKT		LKT_N4
84	ITS723_241_1_D04	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	C	2	4-8,13	A308	TĐ	HTTTQL	15/01/2025	S1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
85	ITS723_241_1_D05	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	S	2	4-8,13	A301	TĐ	HTTTQL	15/01/2025	S1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
86	ITS723_241_1_D06	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	30	S	3	4-8,13	A305	TĐ	HTTTQL	15/01/2025	S1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
87	LAW304_241_1_D01	Luật kinh doanh	3	45	S	2 6	13-18 13-15	A208 A202	TĐ	LKT	18/01/2025	C1	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
88	LAW304_241_1_D02	Luật kinh doanh	3	45	C	3 6	13-18 16-18	A301	TĐ	LKT	18/01/2025	C1	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
89	LAW304_241_1_D03	Luật kinh doanh	3	45	S	3 6	13-18 16-18	A301	TĐ	LKT	18/01/2025	C1	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
90	LAW304_241_1_D04	Luật kinh doanh	3	45	C	5 7	13-18 13-15	A303	TĐ	LKT	18/01/2025	C2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
91	LAW304_241_1_D05	Luật kinh doanh	3	45	C	2 6	13-18 13-15	A301	TĐ	LKT	18/01/2025	C2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
92	LAW304_241_1_D06	Luật kinh doanh	3	45	C	4 7	13-17 13-16	B1.205 B1.101	TĐ	LKT	18/01/2025	C3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
93	LAW304_241_1_D07	Luật kinh doanh	3	45	S	5 7	13-18 13-15	B1.102	TĐ	LKT	18/01/2025	C3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
94	LAW350_241_1_D01	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.301	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	LKT		LKT_N2
95	LAW350_241_1_D02	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.204	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	LKT		LKT_N1
96	LAW350_241_1_D03	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.402	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	LKT		LKT_N4

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
97	LAW350_241_1_D04	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.203	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	LKT		LKT_N3
98	ACC301_241_1_D09	Nguyên lý kế toán	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.403	TĐ	KTKT	18/01/2025	2	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
99	MKE308_241_1_D04	Nguyên lý Marketing	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.202	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
100	MKE308_241_1_D05	Nguyên lý Marketing	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.205	TĐ	QTKD	16/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
101	MKE308_241_1_D06	Nguyên lý Marketing	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.106	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
102	MKE308_241_1_D07	Nguyên lý Marketing	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.305	TĐ	QTKD	16/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
103	MKE308_241_1_D08	Nguyên lý Marketing	3	45	S	4	4-8,13-16	A308	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
104	MKE308_241_1_D09	Nguyên lý Marketing	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.102	TĐ	QTKD	16/01/2025	3	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
105	MKE308_241_1_D10	Nguyên lý Marketing	3	45	S	6	4-8,13-16	A308	TĐ	QTKD	16/01/2025	3	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
106	MKE308_241_1_D11	Nguyên lý Marketing	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.303	TĐ	QTKD	16/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
107	MKE308_241_1_D12	Nguyên lý Marketing	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.101	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
108	MKE308_241_1_D13	Nguyên lý Marketing	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.401	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
109	MKE308_241_1_D14	Nguyên lý Marketing	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.201	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
110	MKE308_241_1_D15	Nguyên lý Marketing	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.304	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
111	MKE308_241_1_D16	Nguyên lý Marketing	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.303	TĐ	QTKD	16/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
112	LOG720_241_1_D01	Nhập môn ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2	30	S	6	4-8,13	A306	TĐ	QTKD	15/01/2025	1	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
113	LAW332_241_1_D01	Nhập môn ngành Luật	2	30	C	4	4-8,13	A302	TĐ	LKT	14/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N4
114	LAW332_241_1_D02	Nhập môn ngành Luật	2	30	C	5	4-8,13	A308	TĐ	LKT	14/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N3
115	LAW332_241_1_D03	Nhập môn ngành Luật	2	30	S	6	4-8,13	A305	TĐ	LKT	14/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N1
116	LAW332_241_1_D04	Nhập môn ngành Luật	2	30	S	5	4-8,13	A202	TĐ	LKT	14/01/2025	4	TĐ	40	LKT		LKT_N2
117	DIM729_241_1_D01	Nhập môn ngành Marketing	2	30	S	2	4-8,13	B1.103	TĐ	QTKD	15/01/2025	1	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
118	ELI308_241_1_D01	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	C	3	4-8,13	B1.204	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N2
119	ELI308_241_1_D02	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	C	6	4-8,13	B1.201	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N5
120	ELI308_241_1_D03	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	C	5	4-8,13	B1.103	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N3
121	ELI308_241_1_D04	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	C	4	4-8,13	A304	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N1
122	ELI308_241_1_D05	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	S	6	4-8,13	A307	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N4
123	ELI308_241_1_D06	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	30	S	5	4-8,13	A305	TĐ	NN	14/01/2025	4	TĐ	40	NNA		NNA_N6
124	DAT718_241_1_D03	Nhập ngành Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	2	30	C	6	4-8,13	A308	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	3	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
125	LAW349_241_1_D01	Pháp luật đại cương	2	30	C	3	4-8,13	B1.205	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
126	LAW349_241_1_D02	Pháp luật đại cương	2	30	C	3	4-8,13	B1.206	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
127	LAW349_241_1_D03	Pháp luật đại cương	2	30	C	4	4-8,13	A305	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
128	LAW349_241_1_D04	Pháp luật đại cương	2	30	C	2 4	4-8 5	B1.306 B1.205	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
129	LAW349_241_1_D05	Pháp luật đại cương	2	30	C	6	4-8,13	B1.106	TĐ	LKT	17/01/2025	4	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
130	LAW349_241_1_D06	Pháp luật đại cương	2	30	S	2	4-8,13	A307	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	KT		KT_N3
131	LAW349_241_1_D07	Pháp luật đại cương	2	30	C	4	4-8,13	A207	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	KT		KT_N2
132	LAW349_241_1_D08	Pháp luật đại cương	2	30	C	5	4-8,13	A201	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	KT		KT_N1
133	LAW349_241_1_D09	Pháp luật đại cương	2	30	C	5	4-8,13	B1.203	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
134	LAW349_241_1_D10	Pháp luật đại cương	2	30	C	2 7	4-8 7	B1.401 B1.101	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
135	LAW349_241_1_D11	Pháp luật đại cương	2	30	S	5 7	4-8 7	B1.306 B1.103	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
136	LAW349_241_1_D12	Pháp luật đại cương	2	30	S	6 7	4-8 8	B1.405 B1.101	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
137	LAW349_241_1_D13	Pháp luật đại cương	2	30	S	3	4-8,13	B1.104	TĐ	LKT	18/01/2025	2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
138	LAW349_241_1_D14	Pháp luật đại cương	2	30	C	6 7	4-8 7	B1.306 B1.102	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
139	LAW349_241_1_D15	Pháp luật đại cương	2	30	S	2 7	4-8 8	A202	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
140	LAW349_241_1_D16	Pháp luật đại cương	2	30	S	6	4-8,13	B1.403	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
141	LAW349_241_1_D17	Pháp luật đại cương	2	30	S	5	4-8,13	A306	TĐ	LKT	18/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
142	LAW349_241_1_D18	Pháp luật đại cương	2	30	S	3 7	4-8 7	B1.305 B1.205	TĐ	LKT	17/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
143	LAW724_241_1_D01	Pháp luật trong kinh doanh	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.102	TĐ	LKT	15/01/2025	2	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
144	MAG322_241_1_D06	Quản trị học	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.202	TĐ	QTKD	17/01/2025	4	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
145	MAG322_241_1_D07	Quản trị học	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.203	TĐ	QTKD	17/01/2025	4	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1
146	MAG322_241_1_D08	Quản trị học	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.303	TĐ	QTKD	18/01/2025	1	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
147	MAG322_241_1_D09	Quản trị học	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.304	TĐ	QTKD	18/01/2025	1	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
148	MAG322_241_1_D10	Quản trị học	3	45	C	4	4-8,13-16	A308	TĐ	QTKD	17/01/2025	4	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
149	MAG322_241_1_D11	Quản trị học	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.103	TĐ	QTKD	18/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N1
150	MAG322_241_1_D12	Quản trị học	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.206	TĐ	QTKD	17/01/2025	4	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
151	MAG322_241_1_D13	Quản trị học	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.203	TĐ	QTKD	18/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N2
152	MAG322_241_1_D14	Quản trị học	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.204	TĐ	QTKD	18/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N3

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
153	BAF730_241_1_D01	Tâm lý hành vi khách hàng	2	30	S	4	4-8,13	A303	TĐ	NH	17/01/2025	4	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
154	SOC303_241_1_D05	Tâm lý học	2	30	C	5	4-8,13	A306	TĐ	KHXH	15/01/2025	S2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
155	ENS303_241_1_D01	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.303	TĐ	NN	18/01/2025	S1	TĐ	40	NNA		NNA_N6
156	ENS303_241_1_D02	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.201	TĐ	NN	18/01/2025	S1	TĐ	40	NNA		NNA_N2
157	ENS303_241_1_D03	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.302	TĐ	NN	18/01/2025	S2	TĐ	40	NNA		NNA_N1
158	ENS303_241_1_D04	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.405	TĐ	NN	18/01/2025	S2	TĐ	40	NNA		NNA_N4
159	ENS303_241_1_D05	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.301	TĐ	NN	18/01/2025	S3	TĐ	40	NNA		NNA_N5
160	ENS303_241_1_D06	Tiếng Anh 1 - Đọc 1	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.301	TĐ	NN	18/01/2025	S3	TĐ	40	NNA		NNA_N3
161	ENS304_241_1_D01	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	C	2	4-8,13-16	B1.304	TĐ	NN	15/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N5
162	ENS304_241_1_D02	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.302	TĐ	NN	15/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N6
163	ENS304_241_1_D03	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.303	TĐ	NN	15/01/2025	3	TĐ	40	NNA		NNA_N3
164	ENS304_241_1_D04	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.302	TĐ	NN	15/01/2025	3	TĐ	40	NNA		NNA_N1
165	ENS304_241_1_D05	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.306	TĐ	NN	15/01/2025	2	TĐ	40	NNA		NNA_N4
166	ENS304_241_1_D06	Tiếng Anh 1 - Viết 1	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.303	TĐ	NN	15/01/2025	3	TĐ	40	NNA		NNA_N2
167	AMA301_241_1_D01	Toán cao cấp 1	2	30	C	4	4-8,13	A306	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
168	AMA301_241_1_D02	Toán cao cấp 1	2	30	C	3	4-8,13	B1.301	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
169	AMA301_241_1_D03	Toán cao cấp 1	2	30	C	4	4-8,13	A307	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
170	AMA301_241_1_D04	Toán cao cấp 1	2	30	C	5	4-8,13	B1.104	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
171	AMA301_241_1_D05	Toán cao cấp 1	2	30	C	2	4-8,13	B1.201	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
172	AMA301_241_1_D06	Toán cao cấp 1	2	30	C	5	4-8,13	B1.106	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
173	AMA301_241_1_D07	Toán cao cấp 1	2	30	S	3	4-8,13	A307	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	2	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
174	AMA301_241_1_D08	Toán cao cấp 1	2	30	S	2	4-8,13	A306	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	1	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1
175	AMA301_241_1_D09	Toán cao cấp 1	2	30	C	2	4-8,13	B1.103	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	2	TĐ	40	KT		KT_N1
176	AMA301_241_1_D10	Toán cao cấp 1	2	30	S	2	4-8,13	A308	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
177	AMA301_241_1_D11	Toán cao cấp 1	2	30	C	2	4-8,13	B1.104	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	2	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
178	AMA301_241_1_D12	Toán cao cấp 1	2	30	S	2	4-8,13	B1.106	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	1	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
179	AMA301_241_1_D13	Toán cao cấp 1	2	30	C	3	4-8,13	B1.105	TĐ	KHDLTKD	14/01/2025	1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
180	AMA301_241_1_D14	Toán cao cấp 1	2	30	C	3	4-8,13	B1.201	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
181	AMA301_241_1_D15	Toán cao cấp 1	2	30	S	3	4-8,13	A306	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
182	AMA301_241_1_D16	Toán cao cấp 1	2	30	S	3	4-8,13	B1.105	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
183	AMA301_241_1_D17	Toán cao cấp 1	2	30	S	4	4-8,13	A304	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	2	TĐ	40	KT		KT_N3
184	AMA301_241_1_D18	Toán cao cấp 1	2	30	C	4	4-8,13	A208	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
185	AMA301_241_1_D19	Toán cao cấp 1	2	30	S	5	4-8,13	A108	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	1	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
186	AMA301_241_1_D20	Toán cao cấp 1	2	30	S	5	4-8,13	A201	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
187	AMA301_241_1_D21	Toán cao cấp 1	2	30	C	6	4-8,13	B1.103	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	1	TĐ	40	KT		KT_N2
188	AMA301_241_1_D22	Toán cao cấp 1	2	30	S	4	4-8,13	A306	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
189	AMA301_241_1_D23	Toán cao cấp 1	2	30	S	4	4-8,13	A307	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
190	AMA301_241_1_D24	Toán cao cấp 1	2	30	S	5	4-8,13	A307	TĐ	KHDLTGD	14/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
191	AMA302_241_1_D01	Toán cao cấp 2	2	30	C	2 7	14-18 14	A302	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
192	AMA302_241_1_D02	Toán cao cấp 2	2	30	C	3 4	14-18 15	A208	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
193	AMA302_241_1_D03	Toán cao cấp 2	2	30	C	3 7	14-18 15	A302	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
194	AMA302_241_1_D04	Toán cao cấp 2	2	30	C	6 4	14-18 17	A203	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
195	AMA302_241_1_D05	Toán cao cấp 2	2	30	C	6 4	14-18 18	A207	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
196	AMA302_241_1_D06	Toán cao cấp 2	2	30	C	2 7	14-18 18	A303	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
197	AMA302_241_1_D07	Toán cao cấp 2	2	30	C	5 7	14-18 16	A304	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
198	AMA302_241_1_D08	Toán cao cấp 2	2	30	C	2 4	14-18 17	A208	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	3	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
199	AMA302_241_1_D09	Toán cao cấp 2	2	30	S	2 4	14-18 17	A207	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1
200	AMA302_241_1_D10	Toán cao cấp 2	2	30	C	4 5	14-18 17	A302	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3
201	AMA302_241_1_D11	Toán cao cấp 2	2	30	S	5 4	14-18 16	A303	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
202	AMA302_241_1_D12	Toán cao cấp 2	2	30	S	3 7	14-18 15	B1.205	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
203	AMA302_241_1_D13	Toán cao cấp 2	2	30	S	2 7	14-18 14	A301	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
204	AMA302_241_1_D14	Toán cao cấp 2	2	30	S	3 4	14-18 15	A208	TĐ	KHDLTGD	15/01/2025	4	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
205	AMA302_241_1_D15	Toán cao cấp 2	2	30	S	5 7	14-18 16	B1.103	TĐ	KHDLTKD	15/01/2025	4	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
206	MLM306_241_1_D01	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.205	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C3	TĐ	40	LKT		LKT_N2
207	MLM306_241_1_D02	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.305	TĐ	KHXXH	14/01/2025	S1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N2
208	MLM306_241_1_D03	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.203	TĐ	KHXXH	15/01/2025	S2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N2
209	MLM306_241_1_D04	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.406	TĐ	KHXXH	15/01/2025	S2	TĐ	40	QTKD		QTKD_N3
210	MLM306_241_1_D05	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.206	TĐ	KHXXH	17/01/2025	S2	TĐ	40	LOGISTICS		LOGISTICS_N1
211	MLM306_241_1_D06	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.202	TĐ	KHXXH	16/01/2025	S1	TĐ	40	NNA		NNA_N3,4
212	MLM306_241_1_D07	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.402	TĐ	KHXXH	14/01/2025	S2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N4
213	MLM306_241_1_D08	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.403	TĐ	KHXXH	17/01/2025	C1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N3
214	MLM306_241_1_D09	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.404	TĐ	KHXXH	17/01/2025	C2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N7
215	MLM306_241_1_D10	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.306	TĐ	KHXXH	15/01/2025	S3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N1
216	MLM306_241_1_D11	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.303	TĐ	KHXXH	14/01/2025	S2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N5
217	MLM306_241_1_D12	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.305	TĐ	KHXXH	17/01/2025	C2	TĐ	40	TCNH		TCNH_N6
218	MLM306_241_1_D13	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.404	TĐ	KHXXH	14/01/2025	S1	TĐ	40	TCNH		TCNH_N1
219	MLM306_241_1_D14	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	2	4-8,13-16	B1.305	TĐ	KHXXH	15/01/2025	S3	TĐ	40	QTKD		QTKD_N4
220	MLM306_241_1_D15	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.302	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C1	TĐ	40	CNTC		CNTC_N1
221	MLM306_241_1_D16	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.201	TĐ	KHXXH	15/01/2025	C1	TĐ	40	KDQT		KDQT_N1
222	MLM306_241_1_D17	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.202	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S1	TĐ	40	KT		KT_N1
223	MLM306_241_1_D18	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	3	4-8,13-16	B1.306	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N3
224	MLM306_241_1_D19	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	3	4-8,13-16	B1.204	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C3	TĐ	40	LKT		LKT_N4
225	MLM306_241_1_D20	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.101	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N2
226	MLM306_241_1_D21	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.104	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S1	TĐ	40	KT		KT_N2
227	MLM306_241_1_D22	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	4	4-8,13-16	B1.104	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N2
228	MLM306_241_1_D23	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	4	4-8,13-16	B1.106	TĐ	KHXXH	13/01/2025	S3	TĐ	40	LKT		LKT_N3
229	MLM306_241_1_D24	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.301	TĐ	KHXXH	13/01/2025	C1	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N3

STT	MÃ LỚP HP	TÊN MÔN HỌC	TC	SỐ TIẾT	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GD HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	KHÓA	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG NHÓM
230	MLM306_241_1_D25	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.302	TĐ	KHXX	13/01/2025	S1	TĐ	40	KT		KT_N3
231	MLM306_241_1_D26	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	5	4-8,13-16	B1.304	TĐ	KHXX	13/01/2025	C2	TĐ	40	KTQT		KTQT_N1
232	MLM306_241_1_D27	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.206	TĐ	KHXX	13/01/2025	C3	TĐ	40	LKT		LKT_N1
233	MLM306_241_1_D28	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	5	4-8,13-16	B1.302	TĐ	KHXX	16/01/2025	S2	TĐ	40	NNA		NNA_N1,2
234	MLM306_241_1_D29	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.202	TĐ	KHXX	13/01/2025	C2	TĐ	40	HTTTQL		HTTTQL_N1
235	MLM306_241_1_D30	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.105	TĐ	KHXX	17/01/2025	S1	TĐ	40	KHDL		KHDL_N1
236	MLM306_241_1_D31	Triết học Mác - Lênin	3	45	C	6	4-8,13-16	B1.206	TĐ	KHDLTKD	13/01/2025	S3	TĐ	40	MARKETING		MARKETING_N1
237	MLM306_241_1_D32	Triết học Mác - Lênin	3	45	S	6	4-8,13-16	B1.304	TĐ	KHXX	16/01/2025	S3	TĐ	40	NNA		NNA_N5,6

Nơi nhận:

- Các Khoa;
- Phòng KT&ĐBCL, Ttra, VP, QTTS, TCKT, QLCNTT;
- Phòng TS&TT;
- Lưu: PQLĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
 Nguyễn Thị Huỳnh Uyên